

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2022

V/v ly hôn giữa bà Trần Thị Bé T và
ông Nguyễn Hoài T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1988

Nơi đăng ký HKTT: số 360 ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 360 ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Bé T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoài T tự nguyện chung sống vào ngày 26/3/2011, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột ông T ở xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc và có được 01 con chung. Đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi làm nhưng quản lý tiền bạc không lo lắng và quan tâm bà, tiền thu nhập hàng tháng của ông T, ông T giữ không đưa cho bà để lo cho con chung, nhiều lần bà góp ý nhưng ông T không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc, bà và ông T chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2021 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 27/9/2012, hiện bà đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Bé T về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chấm dứt quan hệ vợ chồng. Sau khi kết hôn ông và bà Bé T sống chung nhà cùng cha mẹ ruột ông T tại địa chỉ ấp X1, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, ông T thừa nhận quá trình chung sống với bà Bé T tiền thu nhập hàng tháng của ông T do ông T quản lý, không đưa cho bà Bé T, từ đó bà Bé T không hài lòng.

Dịp Tết Nguyên đán năm 2022 bà Bé T xin phép gia đình ông để về thăm cha mẹ ruột, sau khi về nhà mẹ ruột mấy ngày thì bà Bé T gọi điện thoại báo cho gia đình ông biết là bà không trở về nữa. Ông đã đến nhà mẹ ruột bà Bé T để đón bà Bé T và con về nhưng bà Bé T không đồng ý. Nay bà Trần Thị Bé T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 27/9/2012. Trong trường hợp Tòa án quyết định cho ông T và bà Trần Thị Bé T ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Trần Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, T cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc bà Bé T, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Bé T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bé T.

Về yêu cầu nuôi con: Cháu Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 27/9/2012 hiện đang sống chung với bà Bé T ổn định, được chăm sóc chu đáo, nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Ngọc N được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Bé T, giao cháu Nguyễn Trần Ngọc N cho bà Bé T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bé T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Bé T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoài T cư ngụ tại số 360 ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé T và ông Nguyễn Hoài T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 01 năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà T và ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 01 con chung, phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Là chồng nhưng ông T không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc bà T, hôn nhân giữa bà T và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Bé T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Bé T đối với ông Nguyễn Hoài T.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Nguyễn Hoài T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 27/9/2012, hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn bà Bé T và ông T đều có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bên không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, cháu Nguyễn Trần Ngọc N có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

Xét thấy, bà Bé T và ông T có thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Tuy nhiên, hiện nay cháu Nguyễn Trần Ngọc N đang đi học và sống chung với bà Trần Thị Bé T tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu N, tránh thay đổi về môi trường sống và học tập nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Trần Thị Bé T, phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Giao cháu Nguyễn Trần Ngọc N cho bà Trần Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Bé T không yêu cầu ông Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của bà Trần Thị Bé T là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Bé T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé T đối với ông Nguyễn Hoài T về yêu cầu ly hôn và nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé T được ly hôn với ông Nguyễn Hoài T.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 27/9/2012 cho bà Trần Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Bé T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bé T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Bé T đã nộp theo biên lai thu số 0001395 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang thi hành án phí. Bị đơn ông Nguyễn Hoài T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường 5, tp T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

